



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Cấp thoát nước Cần Thơ

Ngày 30/06/2025	31,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-1.6%	0.8%	6.4%

DT thuần Q2/25
120
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 14.0 13.6%
YoY: ▲ 5.00 4.7%

LN thuần Q2/25
31.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▼4.10 -11.6%
YoY: ▼12.3 -28.2%

LN sau thuế Q2/25
24.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.90 -10.7%
YoY: ▼10.0 -29.1%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
28.1%
YoY: +/- ▼ 6.7%

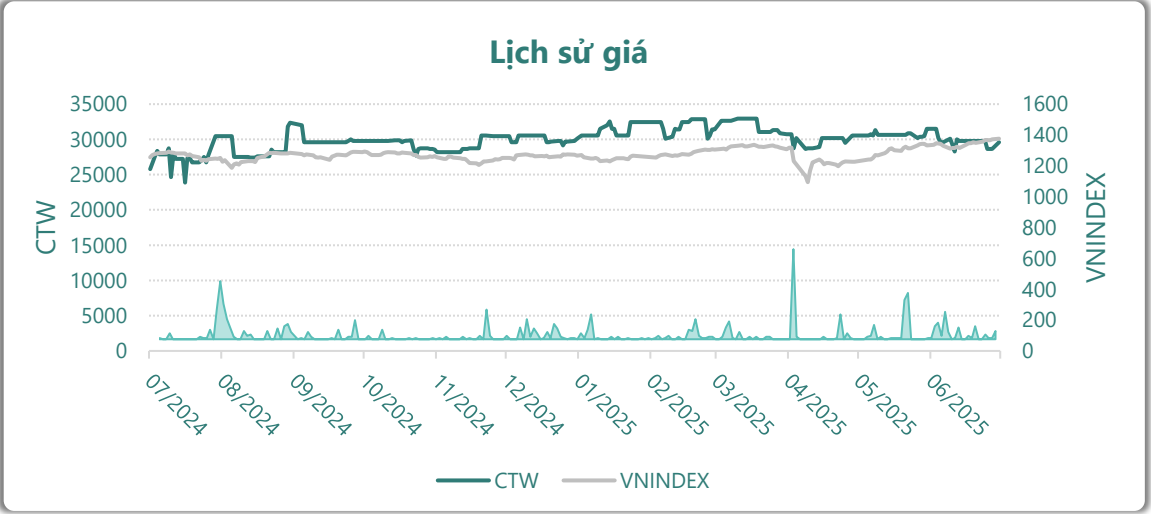
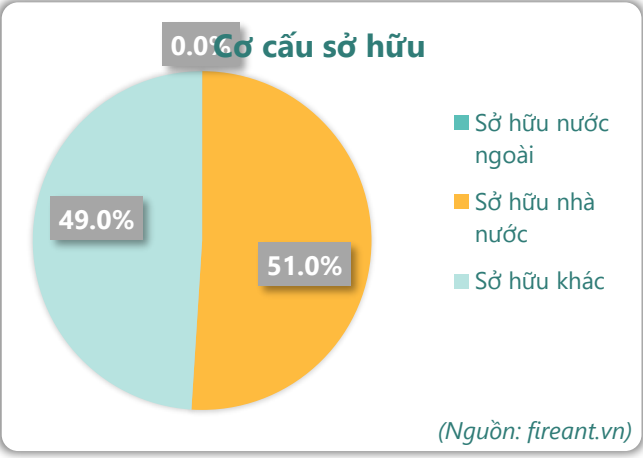
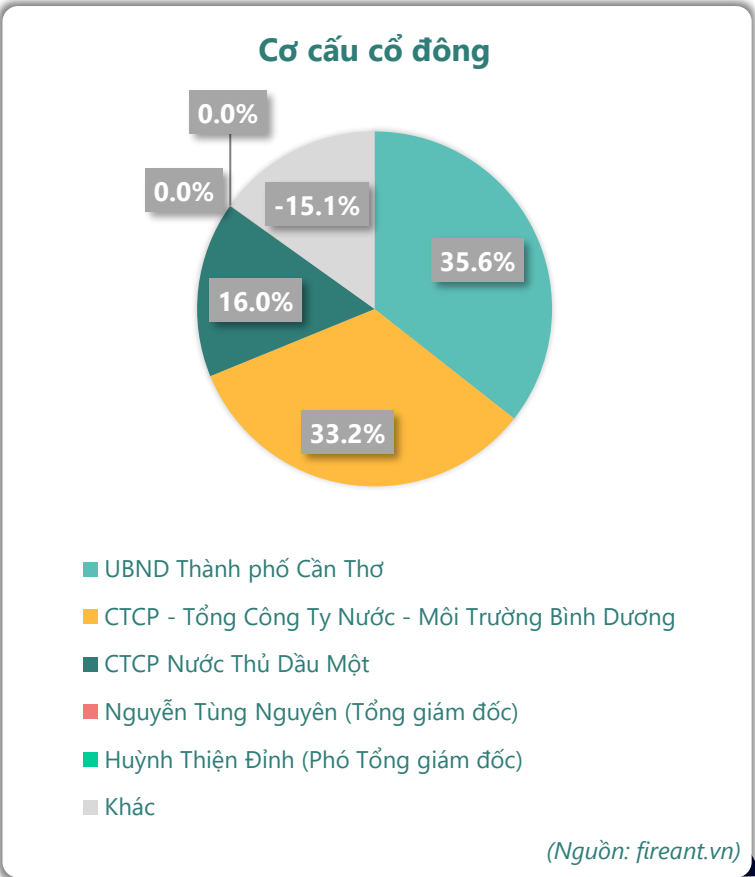
ROE (TTM) Q2/25
13.5%
YoY: +/- ▼ 2.0%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	23,875 - 32,947
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	868
Số lượng CPLH (CP)	27,998,600
KLGD BQ 20 phiên (CP)	610
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.34
EPS	2,746
P/E	11.3

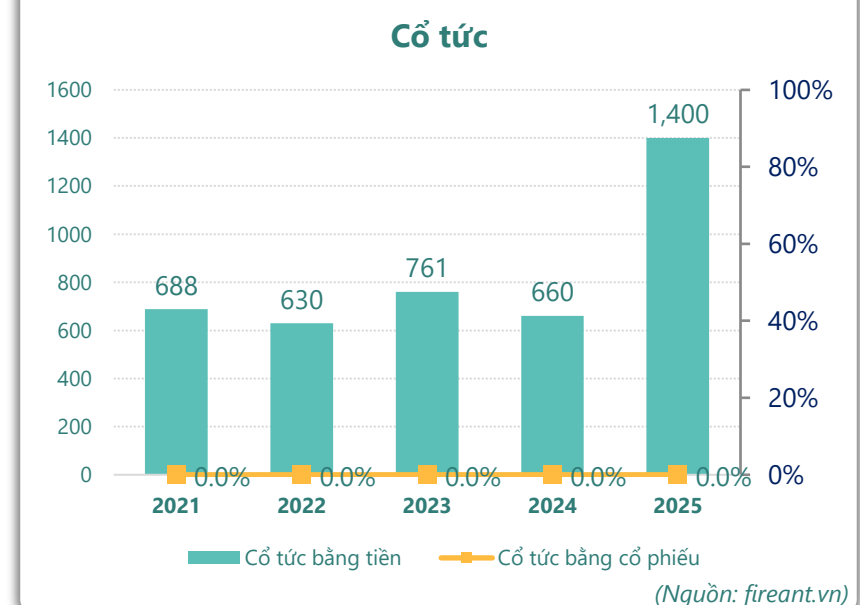
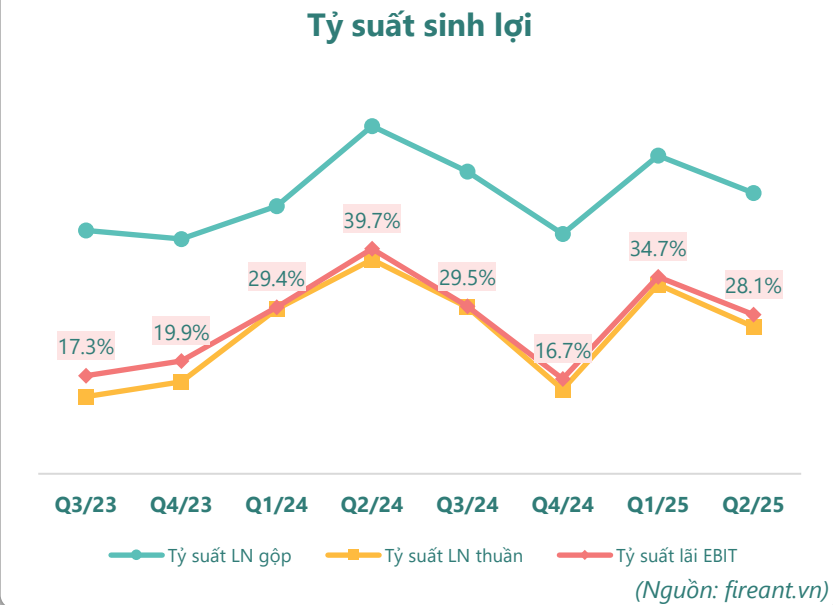
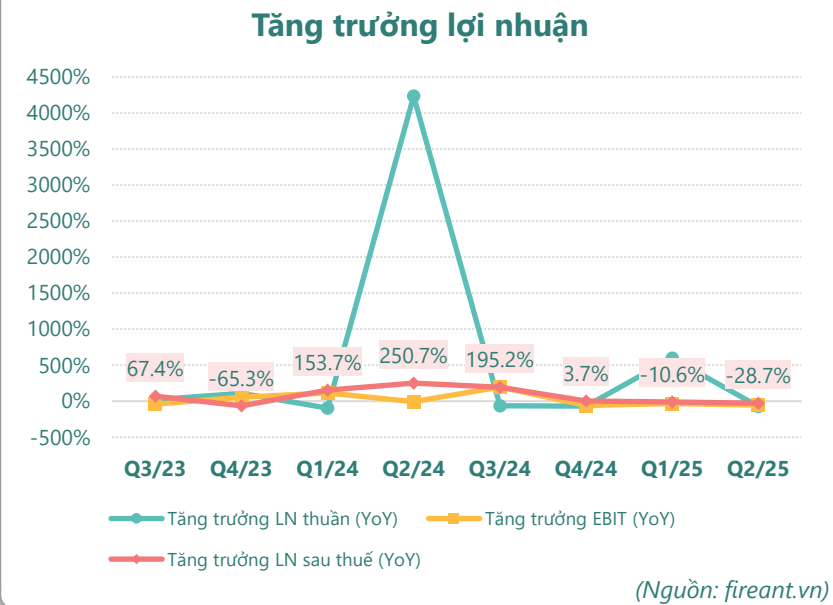
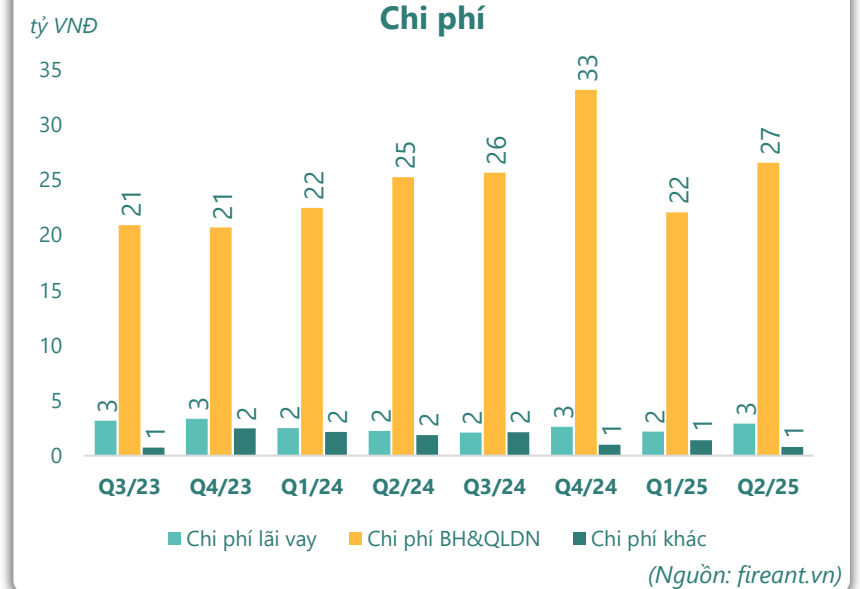
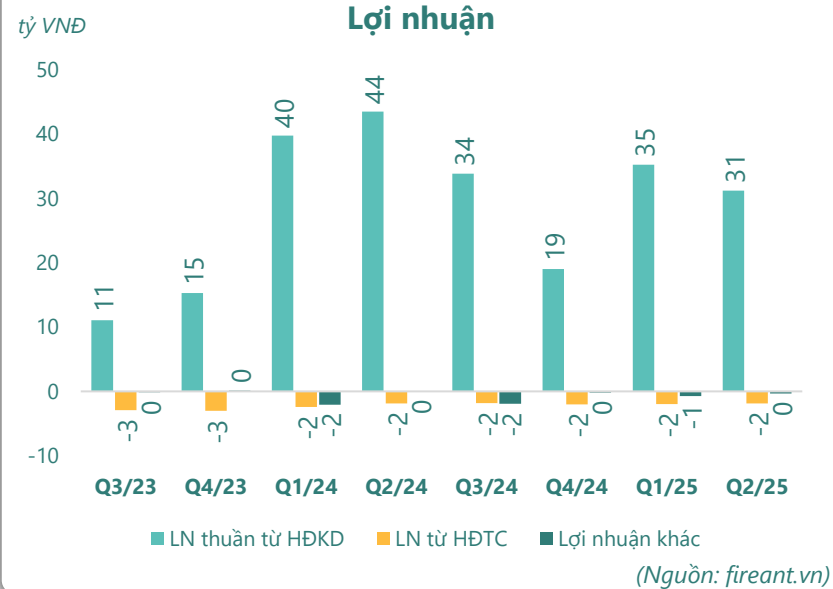
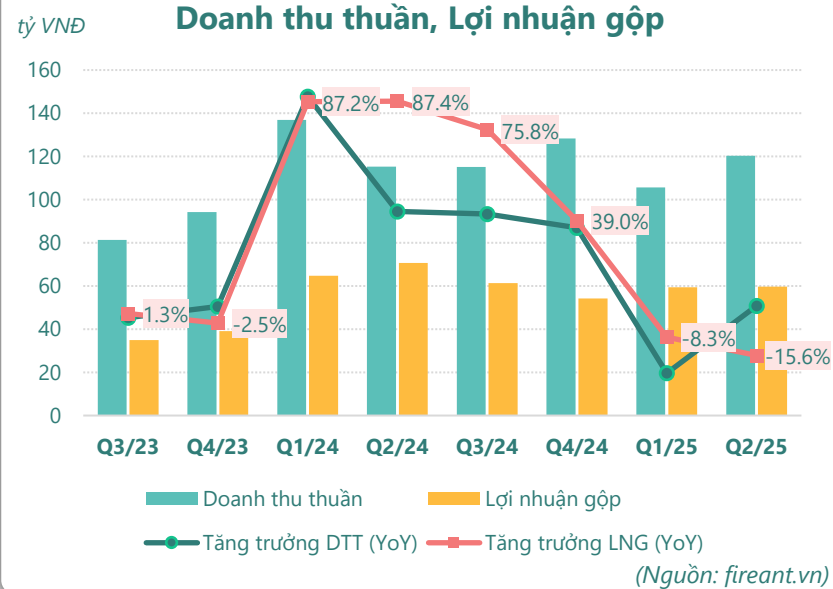
DT thuần 6T 2025
226
tỷ VNĐ
YoY: ▼26.0 -10.3%

LN thuần 6T 2025
66.5
tỷ VNĐ
YoY: ▼16.9 -20.2%

LN sau thuế 6T 2025
51.9
tỷ VNĐ
YoY: ▼12.4 -19.3%



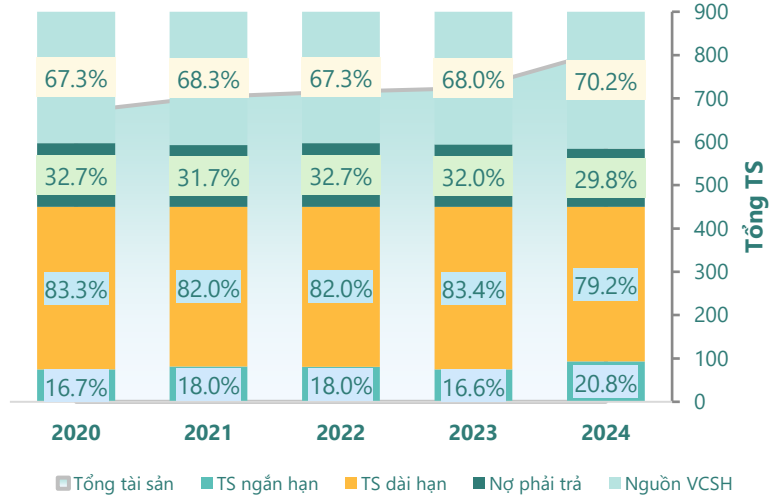
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

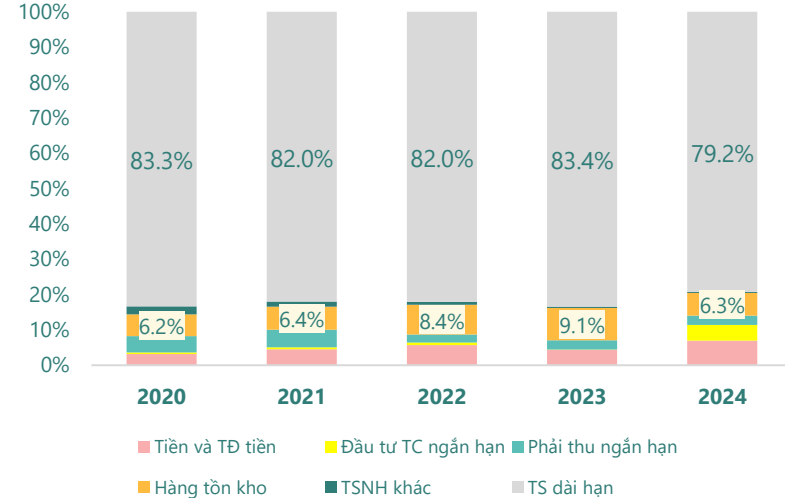
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

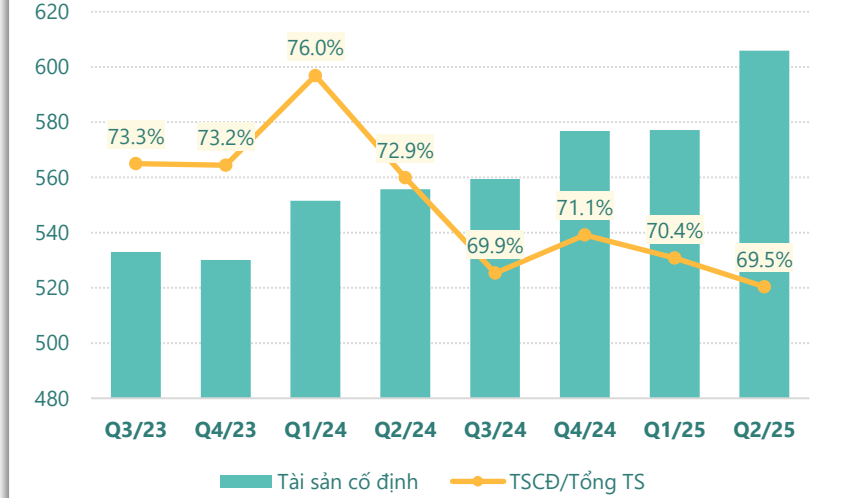
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

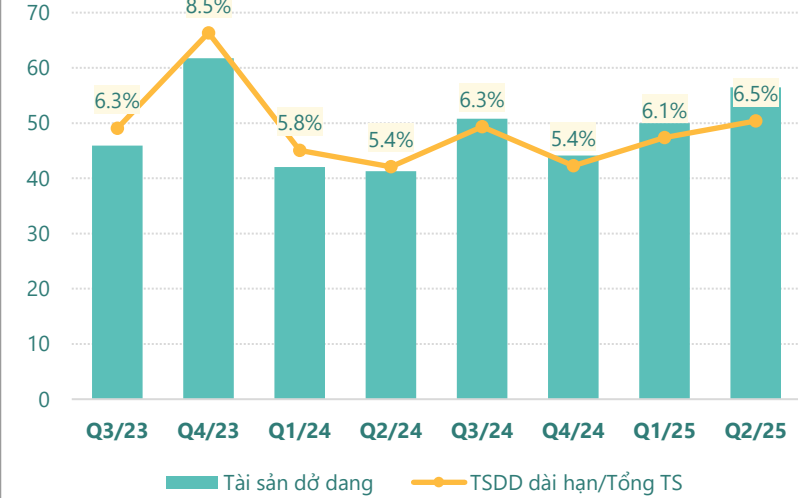
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

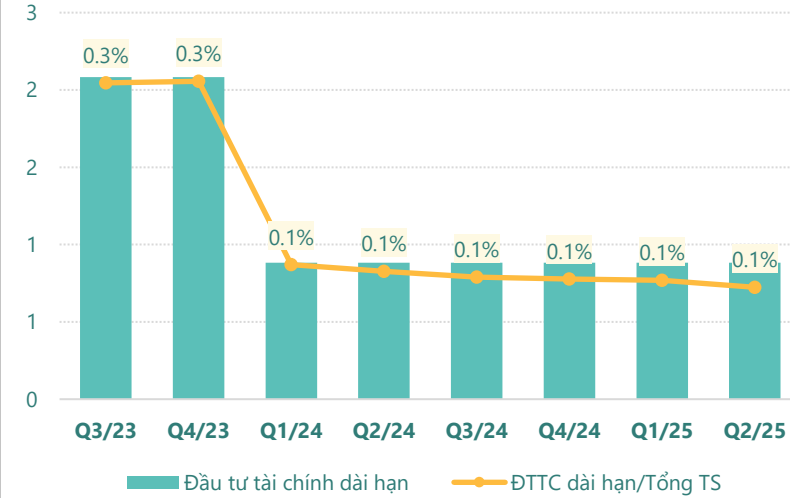
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

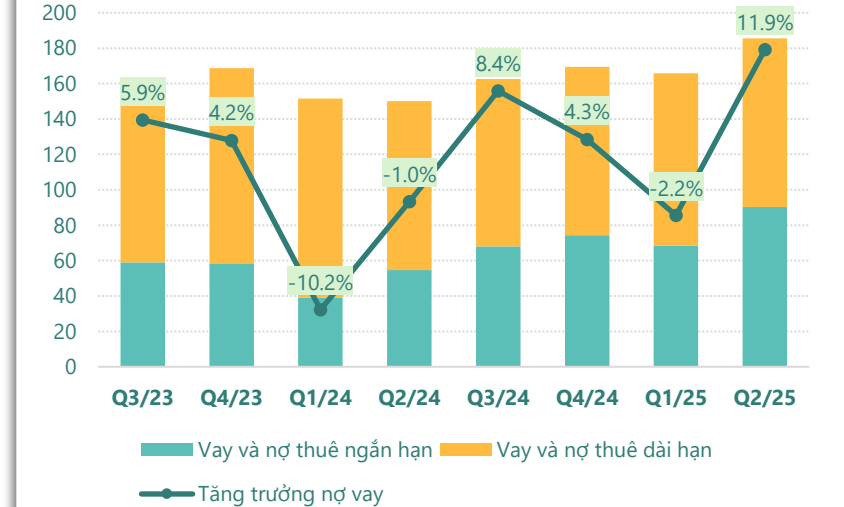
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

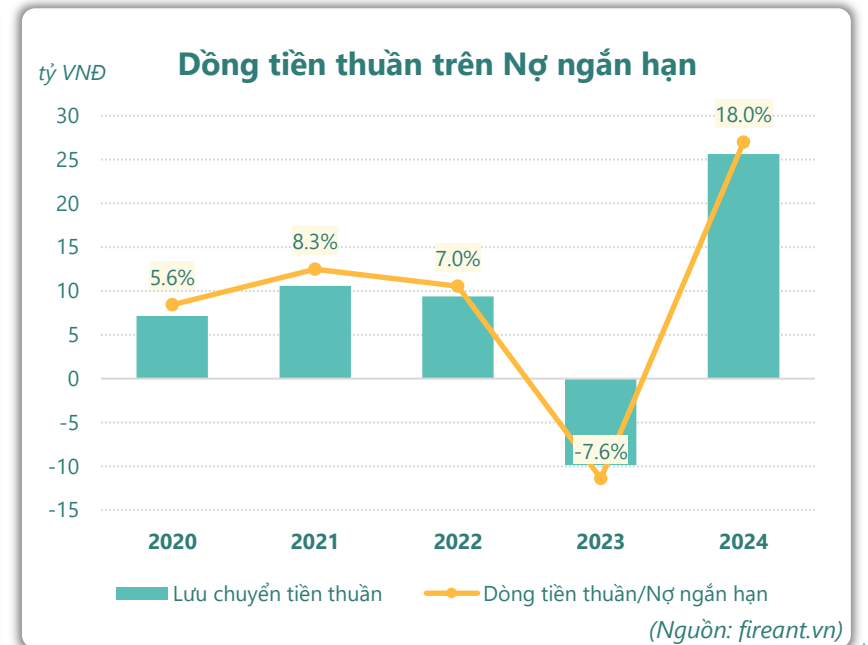
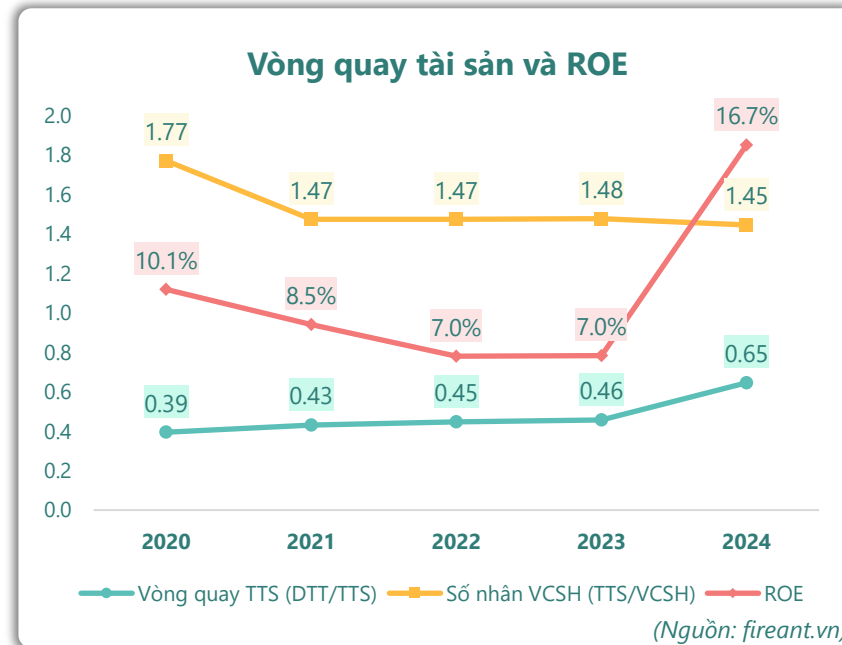
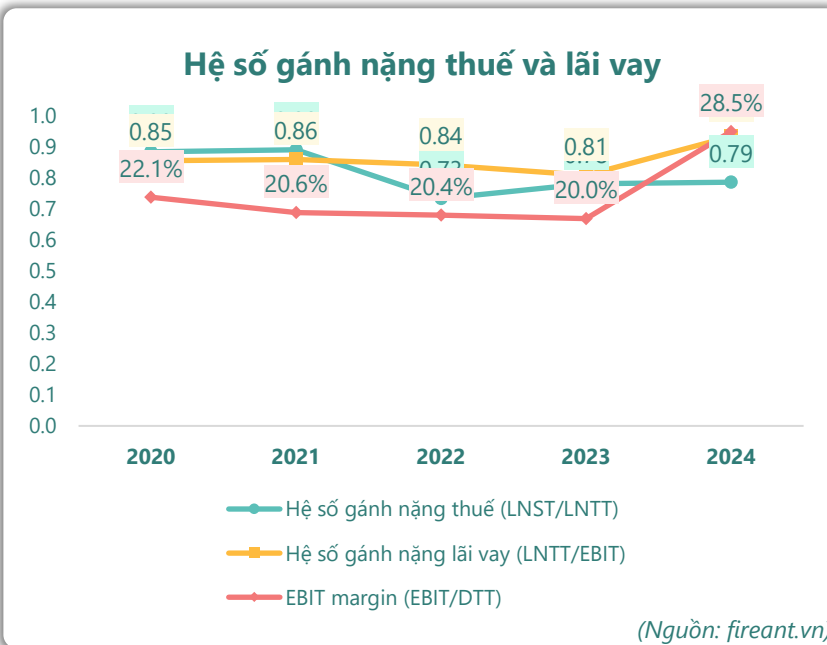
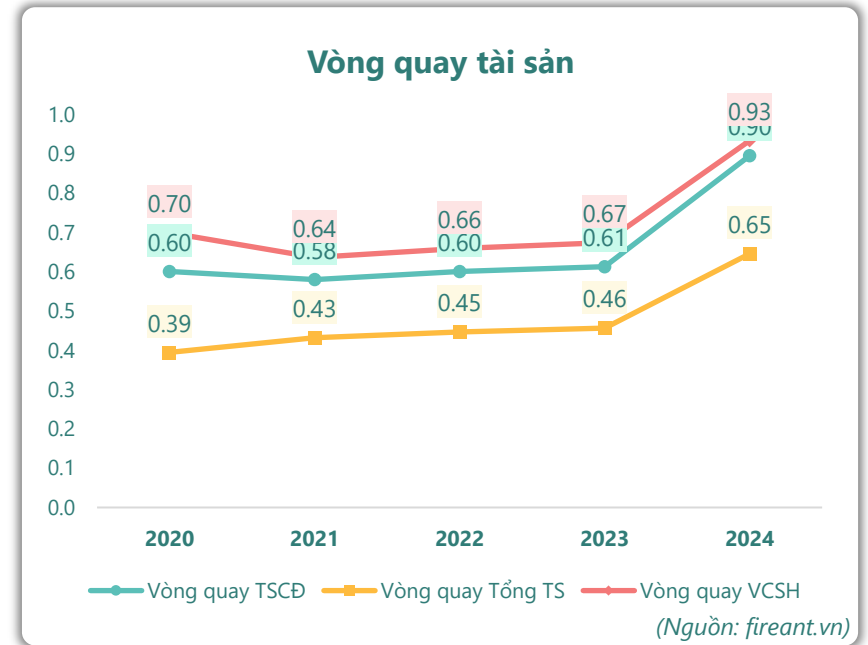
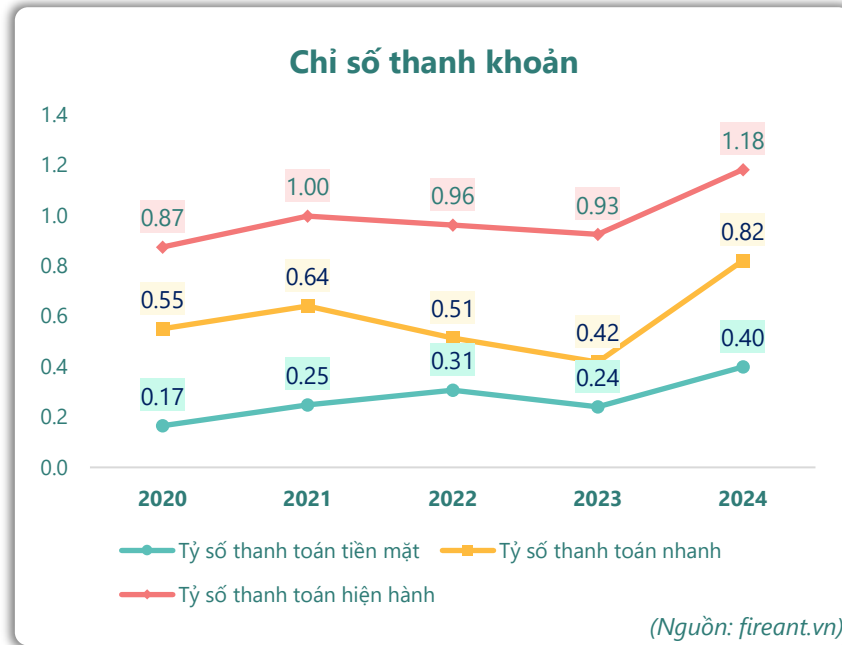
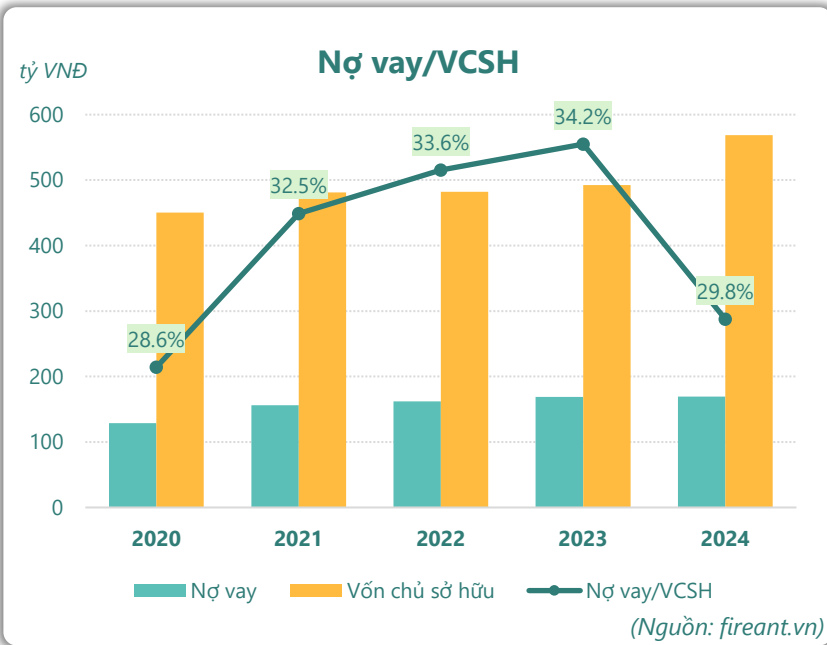
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	120	115	4.7%	226	252	-10.3%
Giá vốn hàng bán	60.7	44.5	36.5%	107	117	-8.3%
Lợi nhuận gộp	59.6	70.7	-15.6%	119	135	-12.1%
Doanh thu HĐTC	1.04	0.38	174%	1.23	0.46	165%
Chi phí TC	2.90	2.24	29.7%	5.08	4.73	7.3%
Chi phí lãi vay	2.90	2.24	29.7%	5.08	4.73	7.3%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	10.0	13.0	-22.9%	20.4	25.5	-20.2%
Chi phí QLDN	16.6	12.3	34.6%	28.3	22.3	27.1%
LN thuần từ HĐKD	31.2	43.5	-28.2%	66.5	83.4	-20.2%
Lợi nhuận khác	-0.34	-0.04	-748%	-1.09	-2.10	48.0%
LN trước thuế	30.9	43.5	-29.0%	65.4	81.3	-19.5%
Lợi nhuận sau thuế	24.5	34.5	-29.1%	51.9	64.3	-19.3%
LNST của CĐ cty mẹ	20.5	30.1	-31.9%	44.2	56.9	-22.3%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	65.4	44.6	36.2	26.2	15.5	62.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-26.6	-21.4	-40.3	-35.3	-22.1	-45.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-17.2	-1.52	7.94	-12.4	-3.69	19.7
Tiền đầu kỳ	31.2	52.8	74.5	78.3	56.8	46.5
Lưu chuyển tiền thuần	21.7	21.7	3.83	-21.5	-10.3	36.5
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	52.8	74.5	78.3	56.8	46.5	83.0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	872	811	7.6%
Tài sản ngắn hạn	191	168	13.1%
Tiền và tương đương tiền	83.0	56.8	46.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	33.9	35.9	-5.7%
Phải thu ngắn hạn	21.6	21.4	0.8%
Hàng tồn kho	48.1	51.5	-6.5%
Tài sản ngắn hạn khác	3.99	2.83	40.9%
Tài sản dài hạn	682	642	6.1%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	606	577	5.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	56.5	43.7	29.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.88	0.88	0.0%
Tài sản dài hạn khác	18.5	21.1	-12.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	263	242	8.6%
Nợ ngắn hạn	160	142	12.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	90.3	74.3	21.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	21.0	18.7	12.2%
Nợ dài hạn	103	99.5	3.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	95.3	95.2	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	610	569	7.1%
Vốn chủ sở hữu	610	569	7.1%
Vốn điều lệ	280	280	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

